



gǔ gē
谷歌

n. · Google

Example Sentences

wǒ yòng gǔ gē chá le yí xià dì zhǐ
我用谷歌查了一下地址。

I looked up the address on Google.

tā bǎ gǔ gē shè chéng le liú lǎn qì de shǒu yè
她把谷歌设成了浏览器的首页。

She set Google as her browser's home page.

wǒ yòng gǔ gē fān yì dú dǒng le zhè fēng yīng wén yóu jiàn
我用谷歌翻译读懂了这封英文邮件。

I used Google Translate to understand this email in English.

Trace each character, then write the word on your own.

谷	谷	谷	谷	谷	谷	谷	谷	谷	谷
歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌
歌	歌	歌	歌	歌	歌				